TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **298**/2025/DS-PT
Ngày: 11 – 8 - 2025
V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn và bà Nguyễn Thị My My

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Lê Khắc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2024/TLPT-DS, ngày 16/7/2024, về việc *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"*. Do Bản án dân sự phúc thẩm số 269/2023/DS-ST ngày: 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị hủy theo trình tự Giám đốc thẩm. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2023/QĐ-PT, ngày 25 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1966; địa chỉ: Số A Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Y A Tôn N; địa chỉ: Số C N, phường B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tiến T1, Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số C N, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1960; địa chỉ: A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Thế T2, sinh năm 1965; địa chỉ: A C, phường P, tỉnh Gia Lai, có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1961; địa chỉ: Buôn Đ, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1964; địa chỉ A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk, váng mặt;

+ Ông Nguyễn Thế T3, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

+ Ông Nguyễn Thế H1, sinh năm 1969; địa chỉ: TDP F, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1970; địa chỉ: A P, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971; địa chỉ: số A Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà S, bà H2, bà L, ông T3 và ông H1 là bà Nguyễn Thị Kim D, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Thế T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:***

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là vợ chồng, quá trình chung sống với nhau có 10 người con chung gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T3, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1976, đã chết năm 1994, khi đang là học sinh, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M chết năm 2009 và cụ Huỳnh Thị H3 chết năm 1991, đều không để lại di chúc và có để lại tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m^2, tại phường T, thành phố B.

Hiện nay, do những người được hưởng di sản thừa kế của Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 không thống nhất được việc tự phân chia di sản thừa kế của Cụ M và cụ H3. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m^2, cho hàng thừa kế thứ nhất mỗi người một phần bằng nhau theo quy định của pháp luật. Toàn bộ diện tích đất và căn nhà trên đất nêu trên, hiện nay do nguyên đơn là ông Nguyễn Thế T đang quản lý, sử dụng nên có nguyện vọng nhận đất và nhà, đồng thời thanh toán giá trị bằng tiền cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

**** Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất trình bày:***

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là vợ chồng, 02 cụ có 10 người con chung gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T3, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1976, đã chết năm 1994, khi chết mới 18 tuổi, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M đã chết năm 2009 và cụ Huỳnh Thị H3 chết năm 1991, không để lại di chúc và có để lại tài sản là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xấy cấp 4, tài sản này chưa chia thừa kế.

Nay do các anh em trong gia đình không thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được, có sự tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

**** Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức S1 trình bày:***

Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là vợ chồng, 02 cụ có 10 người con chung, trong đó 09 người con còn sống và 01 người con là Nguyễn Thị Kim Y,

sinh năm 1976, đã chết năm 1994. Nay nguyên đơn khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chia di sản thừa kế của Cụ M và cụ H3 cho hàng thừa kế thứ nhất mỗi người một phần bằng nhau, nếu không chia bằng hiện vật được thì chia giá trị bằng tiền. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

**** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T2 trình bày:***

Bố mẹ ông T2 là Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3, quá trình sinh sống có 10 người con gồm Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T3, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y (sinh năm 1976, đã chết 1994, khi đang là học sinh, chưa có chồng con).

Cụ Nguyễn Văn M đã chết năm 2009 và cụ Huỳnh Thị H3 chết năm 1991, đều không để lại di chúc và có để lại tài sản chung là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây cấp 4, tại phường T, thành phố B, đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ M. Trong gia đình anh em cũng đã nhiều lần thỏa thuận với nhau để phân chia nhưng do không thống nhất được nên chưa phân chia.

Nay nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là thửa đất số 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền với đất thì ông T2 không đồng ý phân chia, mà để lại thửa đất này làm nơi thờ cúng, làm nhà từ đường đúng như nguyện vọng của cụ M lúc còn sống. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T.

Về di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m^2, trị giá 4.587.425.000 đồng

Về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 gồm 09 người: Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T3, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L.

Được chia bằng tiền cụ thể: 4.587.425.000 đồng/9 người = 509.713.888 đồng.

Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T3, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau thành tiền là 509.713.888 đồng.

Giao cho ông T được quyền quản lý, sở hữu di sản thừa kế của cụ M và cụ H3 là Quyền sử dụng thuộc thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m^2 tọa lạc tại: Phường T, thành phố B.

Ông T có trách nhiệm trả cho các ông, bà Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế T3, Nguyễn Thế H1,

Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L mỗi người với số tiền là 509.713.888 đồng.

Ông T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 269/2023/DS-ST ngày: 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế T2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk).

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Thế T2 làm đơn đề nghị xem xét theo trình tự giám đốc thẩm, đề nghị kháng nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm và bản án dân sự phúc thẩm nói trên.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Thế T2 làm đơn đề nghị xem xét theo trình tự giám đốc thẩm, đề nghị kháng nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm và bản án dân sự phúc thẩm nói trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 45/2024/DS-GĐT ngày 14/6/2024 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 15/KN-DS ngày 24/5/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 269/2023/DS-ST ngày: 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Sau đó, ông Nguyễn Thế T tiếp tục làm đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 45/2024/DS-GĐT ngày 14/6/2024 của TAND Cấp cao tại Đà Nẵng. Ngày 13/3/2025 Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông báo số 137/TB-TA giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm và không kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 45/2024/DS-GĐT ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thế T2 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T hoặc huỷ Bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như ý kiến của ông T, bị đơn bà D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, bà S, bà H2, bà L, ông T3 và ông H1 đều cùng trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông T, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk), đồng thời vụ án này ông T đã thi hành xong Bản án dân sự phúc thẩm số 269/2023/DS-ST ngày: 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trước khi bị Toà án cấp trên xử huỷ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về

việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do có phát sinh tình tiết mới sau khi có bản án phúc thẩm, cấp phúc thẩm không thể giải quyết triệt để được vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột (nay là TAND Khu vực 1 - Đắk Lắk) để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Thế T yêu cầu chia di sản thừa kế, quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thế T2 không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của ông T nên phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"* là không đúng. Vì ngày 01/6/2005, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 424047 cho hộ cụ Nguyễn Văn M, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 29 diện tích 5010,4m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Ngày 12/8/2022 ông Nguyễn Thế T làm đơn khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế, trong đó có phần di sản thừa kế của cụ H3 là ½ thửa đất số 31 nói trên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Trong khi đó, cụ Huỳnh Thị H3 chết vào ngày 12/02/1991 nhưng đến ngày 12/8/2022 thì ông Nguyễn Thế T mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H3 là đã hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy, di sản mà cụ H3 để lại được chuyển thành tài sản chung của các đồng thừa kế, bao gồm: Cụ Nguyễn Văn M và 10 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim S, ông Nguyễn Thế T2, ông Nguyễn Thế T, ông Nguyễn Thế T3, ông Nguyễn Thế H1, bà Nguyễn Thị Kim H2 và bà Nguyễn Thị Kim L (còn bà Nguyễn Thị Kim Y đã chết vào năm 1994).

[1.2] Về phạm vi khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế (Tài sản chung) theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 94,77m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do thửa đất trên không đủ điều kiện tách thửa để phân chia cho các đồng thừa kế nên nguyên đơn yêu cầu nhận đất và nhà, đồng thời thanh toán giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế. Do đó, Bản án sơ thẩm giải quyết là đúng phạm vi khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế T2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Cụ Nguyễn Văn M và cụ Huỳnh Thị H3 là vợ chồng, có 10 con chung

là: Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim S, Nguyễn Thế T2, Nguyễn Thế T, Nguyễn Thế T3, Nguyễn Thế H1, Nguyễn Thị Kim H2, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1976 đã chết năm 1994 (chưa có chồng, con).

Quá trình chung sống, cụ M và cụ H3 có tạo lập được tài sản chung là 01 lô đất có diện tích 5010,4m^2. Đến ngày 12 tháng 02 năm 1991 cụ H3 chết (không để lại di chúc) phần di sản của cụ H3 trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn Văn M chưa được chia. Ngày 01/6/2005, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 424047 cho hộ cụ Nguyễn Văn M, thửa đất số 31, tờ bản đồ số 29 diện tích 5010,4m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Ngày 12/8/2022 ông Nguyễn Thế T làm đơn khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế, trong đó có phần di sản thừa kế của cụ H3 là ½ thửa đất số 31 nói trên.

[2.2] Về việc phân chia di sản thừa kế (Tài sản chung):

Tại Biên bản họp gia đình ngày 02/3/2002 giữa Cụ M và 09 người con đều ký tên có thể hiện việc chia tiền bán căn nhà A L, phường T, TP B, tỉnh Đắk Lắk (nay là A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk), dùng một phần tiền từ nguồn bán căn nhà vào việc chăm sóc cụ M; Mục 4 có nêu "*Phần căn nhà mới xây...ông Nguyễn Văn M sẽ về ở và được làm nhà từ đường, tuyệt đối không được cho ai thuê, không được mua bán hoặc tranh chấp (kể cả con cháu). Căn nhà này chỉ dùng để thờ cúng, giỗ chạp TỔ TIÊN –ÔNG, BÀ muôn đời"* .

Tiếp theo ngày 14/10/2002, cụ M và 09 người con tiếp tục lập Biên bản họp gia đình và thống nhất chia cho mỗi người con một phần đất (các thành viên đều ký và có xác nhận của Khối phố). Trong đó, cụ M có yêu cầu về phần diện tích cụ M nhận là *"Kể cả lúc ông M còn sống hoặc qua đời, phần đất chiều ngang 10m x 30 m được dùng làm nhà từ đường, các con cháu, chắt không được tranh chấp, không lấn chiếm ở, vì diện tích ông M đã chia xong, con trai cũng như con gái."*

Như vậy, có thể khẳng định được ý nguyện của cụ Nguyễn Văn M đều được thể hiện trong 02 biên bản họp gia đình nói trên, cụ thể cụ M đã chia đều các tài sản cho các con, con trai cũng như con gái, cụ dành lại phần đất của mình để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, đồng thời tâm nguyện của cụ đều được các thành viên trong gia đình đồng ý, nhất trí, ký tên và cũng phù hợp với phong tục, tập quán, thuần phong mỹ tục người Việt Nam. Do đó, cần phải khẳng định ý kiến của cụ M tại 02 Biên bản họp gia đình ngày 02/3/2002 và 14/10/2002 là di chúc của Cụ M để lại là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về di sản dùng vào việc thờ cúng như Quyết định giám đốc thẩm đã nhận định.

Việc bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm trước đây xác định 02 biên bản họp gia đình này không phải là di chúc mà chỉ là ý kiến của cụ M là không chính xác, không thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của người để lại di chúc. Từ đó quyết đinh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T về việc chia di sản thừa kế là chưa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tuy nhiên, trước khi nguyên đơn ông Nguyễn Thế T khởi kiện "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" của cụ M và trước khi vụ án được giải quyết tại 02 cấp sơ thẩm và phúc thẩm thì thửa đất số 221 tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ M hay cá nhân nào. Sau khi Tòa

án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm, bản án có hiệu lực pháp luật thì người được giao quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 221 (cũ 31), tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2 và tài sản gắn liền với đất là ông Nguyễn Thế T đã làm đơn yêu cầu thi hành án.

Quá trình giải quyết lại vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiếp tục xác minh tại cơ quan thi hành án dân sự và làm việc với các đương sự có liên quan thì xác định được: Ông Nguyễn Thế T đã thi hành xong bản án theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 3425/QĐ-CCTHADS, thanh toán cho ông Nguyễn Thế T2 số tiền 509.713.888 đồng nhưng ông Nguyễn Thế T2 không đến nhận tiền nên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột đã gửi tiết kiệm số tiền này theo quy định, còn bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án còn lại thì họ đã tự thoả thuận với nhau.

Sau đó, ông Nguyễn Thế T đi đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Bản án đã có hiệu lực pháp luật, trong đó có nộp tiền sử dụng đất (theo nguyên đơn trình bày nộp tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất hơn 900 triệu đồng) theo quy định pháp luật. Ngày 27/02/2024 ông Nguyễn Thế T được U cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 536120 đối với thửa đất 221, tờ bản đồ số 29, diện tích 227,5m^2

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Thế T làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nói trên cho bà Nguyễn Thị Kim H2 (là em ruột), ngày 20/3/2024 bà H2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 586447.

Do đó, đây là các tình tiết mới phát sinh trước khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định giám đốc thẩm vào ngày14/6/2024.

Như vậy, việc UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 536120 ngày 27/02/2024 cho ông Nguyễn Thế T là không phù hợp và dẫn đến việc ông T tiếp tục lập hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị Kim H2 quyền sử dụng đất nói trên và ngày 20/3/2024 bà H2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 586447 cũng không đúng với quy định của pháp luật, vì Bản án dân sự phúc thẩm số 269/2023/DS-ST ngày: 22 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã bị cấp Giám đốc thẩm xét xử hủy toàn bộ quyết định của Bản án.

Do có phát sinh tình tiết mới nên Toà án cấp phúc thẩm không thể giải quyết vụ án được khi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 586447 cấp ngày 20/3/2024 cho bà Nguyễn Thị Kim H2 cũng như hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T và bà H2 cũng chưa bị thu hồi hay hủy bỏ. Số tiền mà ông T tự nguyện thi hành án cũng chưa được giải quyết và ông T chưa nhận lại số tiền này..

Từ những lập luận trên, xét thấy cần phải hủy quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Toà án nhân dân Khu vực - Đắk Lắk) để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Ngoài việc xem xét giải quyết về tranh chấp tài sản chung thì cần phải xem xét đến tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 536120 cấp ngày 27/02/2023 cho ông Nguyễn Thế T, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T cho bà Nguyễn Thị Kim H2 và Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số DN 586447 cấp ngày 20/3/2024 cho bà Nguyễn Thị Kim H2 cũng như số tiền mà ông T đã tự nguyện thi hành án dân sự. Có như vậy mới giải quyết triệt để, toàn diện vụ án.

Việc hủy bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết khách quan mới nên Toà án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên ông Nguyễn Thế T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:
- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thế T2.

Tuyên xử:

[1]. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk) và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xác định lại khi giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

Trả lại cho ông Nguyễn Thế T2 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002821 ngày 19/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1 - Đắk Lắk).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND KV 1;
- Phòng THADS KV 1;
- Các đương sự;
- . . . . . .;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr